

# CẤU TRÚC CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HOA HỘI AN

DƯƠNG VĂN HUY\*

Cùng với sự hình thành và phát triển của thương cảng Hội An - thương cảng lớn nhất Đông Nam Á từ đầu thế kỷ 17, người Hoa đã di trú đến Hội An tạo thành những cụm cư dân, phố thương gọi là *Đường nhân phố* (phố người Hoa). Sau này, người Hoa tăng nhanh về mặt dân số cũng như phạm vi cư trú ở Hội An và đã hình thành nên những đơn vị tổ chức liên kết chặt chẽ và quy mô hơn như cộng đồng người Hoa *Minh Hương xã*, tổ chức *Bang, Hội*, v.v. Các tổ chức xã hội người Hoa này vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

## Hình thành phố người Hoa đầu tiên ở Hội An

Theo như sự nghiên cứu của nhiều chuyên gia nghiên cứu về người Hoa thì người Hoa di cư ra nước ngoài (hay lục đẫy) có nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có những nguyên nhân về tự nhiên như thiên tai, bệnh dịch, mất mùa, v.v.; nguyên nhân về mặt xã hội như chiến tranh, hoạt động kinh tế, v.v.<sup>(1)</sup>. Trong đó, nguyên nhân chiến tranh và nhất là nhu cầu làm ăn kinh tế là những nguyên nhân chính yếu khiến cho người Hoa di trú ra hải ngoại. Mặt khác, xét về mặt lực hút từ phía khu vực bản địa thì

ngay từ đầu thế kỷ 17, thời kỳ các Trịnh - Nguyễn phân tranh, do nhu cầu mở rộng hoạt động thương mại, tăng nguồn thu cho ngân sách để đối phó với họ Trịnh ở Đàng Ngoài, chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã cho phép thương khách Trung Quốc và Nhật Bản đến làm ăn buôn bán, thiết lập phố phường buôn bán. Mặt khác, Đàng Trong là vùng đất mới, đất đai màu mỡ, sản vật phong phú, thích hợp cho các hoạt động kinh tế. Chính vì vậy, người Hoa đã không ngừng đổ về Đàng Trong định cư, lập nghiệp.

Việc hình thành cộng đồng người Hoa ở Hội An đầu tiên phải kể đến Phố người Hoa (hay phố người Đường). Với vị trí thuận lợi cho hoạt động thương nghiệp của Hội An, mà nhiều thương nhân người Hoa cũng như người Nhật là những thương nhân ngoại quốc đầu tiên đến định cư, lập nên phố xá, tiến hành các hoạt động thương mại. Lúc ban đầu, thành phần cư dân chủ yếu là những thương nhân, bao gồm hai loại chủ yếu: một loại là những thương khách vì gió mùa không thuận, hoặc do thương vụ kéo dài, không kịp gió mùa tháng 7 hoặc tháng 8 về nước, đành chịu ở lại qua năm để chờ kỳ gió sang năm mới về Bắc; loại thứ hai, là những người muốn cư trú vĩnh viễn hoặc

\* Ths. Dương Văn Huy Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

bán vĩnh viễn, họ chủ yếu là những thủ quỹ hoặc đại diện cho thuyền buôn hoặc công ti thuyền. Một mặt họ bán các hàng hóa của thuyền mình, mặt khác mua sẵn các thứ thổ sản như tơ lụa, hương kỳ nam, đường, hạt tiêu, yến, vây cá, tô mộc, v.v để cho thuyền của công ti mình mùa xuân sau khi về đây sẽ có thể chở đầy đủ hàng hoá về Trung Quốc<sup>(2)</sup>.

Đối với hai loại kiều dân như vậy, chúa Nguyễn căn cứ vào chính sách khuyến khích mậu dịch, không phản đối sự cư trú, lại cho kiều dân Trung và Nhật lựa chọn một địa điểm thích hợp để lập lên phố xá cư trú cho mình. Về điều này, Cristophoro Borri trong *Một chuyến đi Đàng Trong năm 1621* có ghi lại như sau: “*Chúa Đàng Trong xưa kia cho người Nhật, người Trung Quốc chọn một địa điểm và nơi thuận lợi để lập một thành phố cho tiện việc buôn bán. Thành phố này gọi là Faifo (Hội An), một thành phố lớn đến độ người ta nói được là có hai thành phố, một phố người Trung Quốc và phố người Nhật. Mỗi phố có khu vực riêng, và sống theo tập tục riêng. Người Trung Quốc có luật lệ và phong tục riêng của họ và người Nhật cũng vậy*”<sup>(3)</sup>.

Chúng ta không rõ là chúa Đàng Trong trong đoạn văn này là Tiên Vương (tức Nguyễn Hoàng) hoặc Sãi Vương (Nguyễn Phúc Nguyên), nhưng một điều chắc chắn là *phố Khách* (phố người Hoa hay người Đường) và phố Nhật đã tồn tại từ những năm đầu thế kỷ 17<sup>(4)</sup>. Lẽ dĩ nhiên là hai phố này trở thành trung tâm của Hội An. Theo như tài liệu thời kỳ đó, kiều dân phố Khách gọi là “Thuộc Đại Minh”, họ cố nhiên tất cả là thương khách người Minh chứ không phải di thần hoặc nạn dân.

Chúng ta suy đoán rằng ban đầu chỉ có phố Khách đã thành lập từ cuối thế kỷ 16, có thể trong một niên đại gần với sự bãi bỏ chính sách “hải cấm” của Minh Mục Tông (triều đại nhà Minh, Trung Quốc) vào năm 1567, rồi từ đầu thế kỷ 17, với sự hiện diện của thương thuyền Nhật Bản tại Hội An, các thương khách Nhật đã xây dựng phố xá riêng cho họ<sup>(5)</sup>.

Có thể nói rằng, phố người Hoa ở Hội An được hình thành sớm nhất so với các phố người Hoa khác ở Việt Nam. Đây là cộng đồng cư đầu tiên đặt tiền đề cho sự hình thành những cộng đồng người Hoa có tính liên kết chặt chẽ hơn như Hội An Minh Hương xã, hay các Bang của người Hoa, v.v.

### **Cộng Đồng người Hoa Hội An Minh Hương xã**

Như trên đã trình bày, cuộc chiến tranh do người Mãn Châu nhằm tiêu diệt nhà Minh ở Trung Quốc xảy ra dữ dội, và đến năm 1644, nhà Minh chính thức bị thay thế bởi nhà Thanh. Vì vậy, một số quan tướng sau khi chống nhà Thanh thất bại không chịu quy phục đã tìm cách di tản ra nước ngoài, điều này đã tạo nên một làn sóng di cư ồ ạt của người Hoa đến các nước Đông Nam Á, trong đó có Đàng Trong từ những năm 1640 đến 1862<sup>(6)</sup>.

Qua vấn đề sáng lập Minh Hương xã, cũng giống như việc thành lập phố Khách như đã trình bày ở trên, hiện nay chúng ta còn thiếu sử liệu trực tiếp để xác định một cách chính xác niên đại thành lập. Nhưng, về ý nghĩa của từ “Minh Hương”, Gustave Huê cho rằng “*Minh Hương là những người Trung Quốc trung thành với nhà Minh, đến Việt Nam ngay từ khi ngay*

từ khi nhà Thanh tiếm quyền”(7). Và, theo như sự giải thích của A. Schreiner, Minh Hương là những “người lai” (metis) do sự thông hôn giữa đàn bà Việt và di dân nhà Minh chạy sang Conchinchina vào cuối thế kỷ 17, và nguyên nghĩa Minh Hương có thể giải thích là “những dân duy trì hương hoá cho nhà Minh”(8). Bên cạnh đó, theo như tấm bia trong *Tuy Tiên Đường* (Duy Tân Năm thứ 2, tức lập năm 1908) cũng giải thích từ Minh Hương rằng “ở trên đặt chữ “Minh” là quốc hiệu vậy”. Nguyên chữ Minh Hương không thể tách biệt với sự diệt vong của nhà Minh, hoặc di thần nhà Minh, nên có thể hiểu rằng sự sáng lập ra Minh Hương xã không thể sớm hơn niên đại suy vong của nhà Minh(9). Từ những định nghĩa trên có thể thấy người Minh Hương là những người Hoa còn trung thành với nhà Minh, lánh nạn khỏi sự truy sát của nhà Thanh, đến Việt Nam tị nạn, tuân phục triều đình Việt Nam nhận Việt Nam là quê hương thứ hai. Nói cách khác, khỏi nguồn họ là những người tị nạn về chính trị, mặc dù vẫn giữ phong tục tập quán văn hoá Trung Hoa nhưng người Minh Hương từ lâu đã được coi là người Việt Nam, đã đóng góp cho nhiều cho thời các chúa Nguyễn. Người Minh Hương bị cấm sinh hoạt theo phong tục nhà Thanh và tách biệt với những khu có đông đảo người Hoa lục địa cư ngụ.

Cho nên, Minh Hương xã là một kết cấu cộng đồng làng xã người Hoa di tản đến Đại Việt và tự nguyện nhập quốc tịch Việt Nam, lấy chữ “Minh” đứng đầu để tưởng nhớ đến triều đại nhà Minh đã suy vong và chữ “Hương” với nghĩa là “hương thơm” và còn nghĩa là “hương hoá”. Sau

này vào năm Minh Mạng thứ 8 (1827) đã đổi từ “Minh Hương” hương thơm - hương hoá thành “Minh Hương” (hương thôn âm). Như vậy, Minh Hương xã có nghĩa là làng xã của những người Hoa di cư vì lí do chính trị, suy tôn nhà Minh, tuy sống trên quê người nhưng vẫn giữ hương thơm, hương hoá của mình. Phần lớn họ là tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến cũng có người tỉnh Triết Giang và cả những người tỉnh khác nữa. Còn về niên đại thành lập Minh Hương xã ở Hội An, Trần Kinh Hoà đã đưa ra kết luận rằng: “trong khoảng giữa năm 1645 và năm 1653, rất có thể là mấy năm sau năm 1645, Hội An Minh Hương xã, tức Minh Hương xã đầu tiên của Việt Nam đã được thành lập”(10).

Thấy được vai trò thương mại của người Hoa ở Hội An, chúa Nguyễn đã thừa nhận Minh Hương xã để vừa tỏ ra có sự đãi ngộ đặc biệt để tiện cho việc kiểm soát nhằm thực hiện được dễ dàng chính sách đồng hoá. Thực vậy, dân xã Minh Hương thường đảm nhận những nhiệm vụ đáng được coi là những đặc quyền như: Công việc nghiệm xét cân lượng, định giá hàng hoá; thông ngôn cho các tàu Trung Quốc hay ngoại quốc đến buôn bán ở Hội An. Ở gần Vương phủ, như xã Minh Hương thuộc tỉnh Thừa Thiên, dân xã Minh Hương còn được giao phó các công tác như: trang trí, trần thiết, xe đèn sập, viết liễn đối, bày biện cỗ bàn, yến tiệc, v.v.(11).

Về cơ cấu của Minh Hương xã, theo như tài liệu của *Hội An Minh Hương tam bảo vụ* thì những vị sáng lập ra làng Minh Hương đầu tiên gồm mười lão gia có uy tín trong cộng đồng người Minh Hương mà đứng đầu là Trung Lương Hầu Khổng Thiên Như, gọi là *Thập lão*. *Thập lão* bao

gồm: Khổng lão gia, Nhan lão gia, Dư lão gia, Từ lão gia, Chu lão gia, Hoàng lão gia, Trương lão gia, Trần lão gia, Thái lão gia, Lưu lão gia. Về sự tích các tiên hiền của Minh Hương xã, tấm “*Tụy tiên đường bi*” có ghi chép: “*Mười vị lão gia, tức họ Ngụy, Trang, Ngô, Thiệu, Hứa, và Ngũ được thờ trong làng ta đều là cựu thân nhà Minh cả. Xã tắc nhà Minh đã mất, nhưng lòng trung thành chẳng chút thay đổi, mấy ông bèn dấu quan tước họ tên trốn tránh sang phía Nam, tập hợp tất cả di thân ngụ tại nước Nam, lập ra thành làng. Đặt tên làng lấy chữ “Minh” đứng đầu, có ý bảo tồn quốc hiệu vậy. Xét lại 36 tỉnh đều có Minh Hương xã, nhưng đặt tại Quảng Nam là trước nhất*”<sup>(12)</sup>. Bên cạnh đó, trong tấm bia ký này cũng cho biết “*mười đại lão gia đã qua, ba đại lão gia nối gót là Tả Quốc Công, Ngô Đình Công và Trương Hoàn Công, đều nối công người trước lo việc quê hương, lập địa bạ, mở đất hoang, bồi đắp mới thêm, cho dân ở được rộng rãi, buôn bán thêm đông, chùa Phật miếu thần xây cất đẹp đẽ, cho việc thờ cúng được chu đáo*”<sup>(13)</sup>. Theo như khảo cứu của Nguyễn Thiệu Lâu, ban đầu có 10 người Minh sinh quán Triết Giang và Phúc Kiến, thuộc 6 họ: Ngụy, Ngô, Hứa, Ngũ, Thiệu và Trang chạy loạn qua Quảng Nam. Người Minh Hương tôn họ làm Thập lão hoặc Tiên hiền, coi như nhân vật sáng lập của xã<sup>(14)</sup>. Cũng theo như Nguyễn Thiệu Lâu thì, sau khi Thập lão định cư ở Hội An, lại có 3 nhân sỹ ở Trung Quốc di cư sang, dân xã gọi là Tam gia, tức Tả Quốc Công, Ngô Đình Công và Trương Hoàn Công. Mặc dù niên đại họ tới Hội An chưa rõ, nhưng do thỉnh cầu của họ, chúa Nguyễn mới thừa nhận Minh Hương xã làm nơi cư trú

của di dân Trung Quốc<sup>(15)</sup>.

Nếu như theo tấm bia Tụy tiên đường thì Thập lão và Lục tính (6 họ) không có gì phân biệt, làm ta dễ hiểu rằng Thập lão là 10 người tiên bối có 6 tên họ<sup>(16)</sup>. Nhưng trong cuốn *Tụy tiên đường tiên hiền hương phả đồ bản* do Lý Thành ý chép trong năm Tự Đức thứ 33 (1880), thì sự phân biệt giữa Thập Lão, Lục tính, và Tam gia rất rõ rệt. Theo đồ bản ấy thì Thập Lão Là: Khổng Thái lão gia, Nhan lão gia, Dư lão gia, Từ lão gia, Chu lão gia, Hoàng lão gia, Trương lão gia, Trần lão gia, Thái lão gia, Lưu lão gia. Tiếp theo Thập lão, đồ bản có đề mục *Lục tính hương kỳ lão*, dưới mục đó có ghi 6 tên họ là Ngụy, Trang, Ngô, Hứa, Thiệu, và Ngũ. Sau nữa là mục *Tam gia* có chép tên của 3 nhân sỹ là Trương Hoàng Cơ, Ngô Đình Khoan và Tả Quốc Tường. Một điều chúng ta dễ nhận thấy trong danh sách Thập lão, người nào cũng được xưng là “lão gia”, một cách xưng hô tôn kính mà người Trung Quốc cận đại thường đặt cho quan viên, cho nên ta hiểu rằng những vị này đã làm quan tại Trung Quốc hoặc trong phủ của chúa Nguyễn cả. Điều thứ hai, duy chỉ có họ Khổng được xưng là “thái lão gia”, do vậy ta có thể hiểu rằng họ Khổng chiếm một địa vị cao hơn hết 9 người khác, có thể vì ông ta giữ chức quan cao cấp nhất, hoặc là người đến sớm nhất, và rất có thể là cả hai điều trên. Điều thứ ba, Thập lão là 10 người Trung Quốc hoặc Minh Hương được làm quan ở bên Trung Quốc hoặc ở Quảng Nam chứ không phải như Nguyễn Thiệu Lâu nhận xét là 10 thương khách từ Thăng Bình qua Trà Nghiêu, Thanh Hà mà dọn sang Hội An<sup>(17)</sup>.

Về Khổng Thiên Như, trong bia mộ của ông có ghi chép lại ông nhậm chức quan cai quản phủ tàu và kiêm quản các thương khách cùng nhân viên từ xưa ở lại hoặc mới tới Hội An<sup>(18)</sup>. Trong *An Nam cúng dịch ký sự*, Chu Thuấn Thủy có chú rõ ràng: “cai tàu là chuyên quản người Trung Quốc và tổng lý những sự vụ về tàu thuyền”. Mặt khác, theo như *Phủ Biên tạp lục*, Lê Quý Đôn cũng cho biết, các quan chức về tàu vụ của chúa Nguyễn bao gồm: “Đặt cai tàu, tri tàu mỗi chức một viên, cai bạ tàu, tri bạ tàu, cai phủ tàu, ký lục tàu, thủ tàu nội mỗi chức hai viên, cai phòng 6 người, lệnh sử 30 người toàn thuế binh 50 người, lính tàu 4 đội 70 người, thông sự 7 người”<sup>(19)</sup>. Lẽ dĩ nhiên, các chức đó chưa hẳn tất cả do người Trung Quốc đảm nhiệm, nhưng thực sự đại đa số là chọn các thương gia Trung Quốc hoặc người Minh Hương giữ chức cả, vì về mặt thông thương, họ có tri thức và kinh nghiệm phong phú hơn người Việt. Dựa vào những nhận xét trên, ta nhận định rằng Khổng Thiên Như đã giữ chức cai phủ tàu lâu năm, được chúa Nguyễn tín nhiệm, làm phúc cho thương khách và kiều dân Trung Quốc tại Hội An, nhất là có rất nhiều công lao với Minh Hương xã mới thành lập. Bởi vậy, sau khi quá cố, được chúa Minh Vương gia phong Văn Huệ Hầu, ban cho 4 mẫu đất và tinh biển để lập từ đường thờ cúng.

Bên cạnh đó, theo như sự khảo cứu của Trần Kinh Hoà thì “*thập lão và lục tính là hai hạng nhân sỹ riêng biệt, mặc dầu đều là danh sỹ Minh Hương, song một phái làm quan trong triều, còn một phái là các bậc kỳ lão trong xã, và một số người trong hai phái có lẽ sống chung trong một thời*

*đại, tức cuối thế kỷ thứ 17*”<sup>(20)</sup>.

Đối với *Tam gia*, chúng ta thấy sự tích của họ tương đối rõ rệt trong tấm bia trùng tu năm 1753 của Quan Công miếu ở Hội An có đề cập đến *Tam gia* như sau: “*May có Tả Quốc Tường, Ngô Đình Khoan và Trương Hoàn Cơ, tính tình rộng rãi, ưa quyền tiền làm việc phúc đức và không ham danh tiếng, cho nên hương lý tôn các ông là tuấn sỹ, coi như một lực lượng để nhờ cậy. Nay tam công khẳng khái, tự ý bỏ tiền riêng để áp dụng, không ngại bao phí*”<sup>(21)</sup>. Lấy đoạn văn này đối chiếu với văn bia Tuy tiên đường đã dẫn ở trên thì chúng ta thấy *Tam gia* là 3 vị hương thân có tài lực hùng hậu vào khoảng giữa thế kỷ 17, và là những người sáng lập đầu tiên của Minh Hương xã. Họ rất nhiệt tâm về việc công, như việc trùng tu Quan Công miếu, đặt địa bạ và lấy đất mới bồi lấp ở bờ sông để mở rộng diện tích của xã, đủ chứng tỏ 3 ông đối với quy chế của xã có rất nhiều công.

Do Minh Hương xã có tính chất như là một làng xã của người Việt nên về cơ cấu tổ chức quản lý điều hành làng xã cơ bản cũng giống như cơ cấu tổ chức làng xã của người Việt. Cụ thể là bộ máy hành chính của Minh Hương xã được tổ chức theo kiểu *Hội đồng xã vụ* gồm nhiều đại diện, đứng đầu là *cai xã* có vai trò như người trung gian giao dịch giữa xã với chính quyền sở tại. Do vậy, *cai xã* thường là những người đang làm quan ở các nha, sở hoặc ty tàu vụ. Bên cạnh đó, Minh Hương xã cũng có một tổ chức “*cai quản*” đặt trụ sở tại Minh Hương tuy tiên đường để điều hành công việc trong xã, đó là “*Hội đồng hương chính Minh Hương*” (còn gọi là *Đại*

lý xã vụ). Đứng đầu tổ chức này là Lý trưởng, dưới có Phó lý, Hương lão, Hương trưởng và hệ thống Ngũ hương gồm Hương lễ, Hương kiểm, Hương mục, Hương bốn, Hương bộ... giúp việc. Hội đồng hương chính Minh Hương không những chỉ quản việc của chư tộc phái Minh Hương mà họ còn quản cả người Hoa Ngũ bang và những người Việt sinh sống trong Minh Hương xã. Rộng hơn, họ còn quản cả các “lân”, phổ khác nằm ngoài địa giới Hội An như Hương Hoà lân tại xã Hà Nhuận, Hương Khánh lân tại Tam Kỳ, Hương Xuân lân tại Quảng Ngãi, v.v.<sup>(22)</sup>

Chúng ta cũng biết rằng, tổ chức *Đại lý xã vụ* thực chất là một hội đồng điều hành được tổ chức lên bởi những người có uy tín, có tài sản, có năng lực và có công lao đối với xã, trong đó *hương lão* có vai trò như cố vấn, còn *hương trưởng* là những người trực tiếp điều hành. Do có nhiều *hương lão*, *hương trưởng* trong hội đồng nên quyền lực được dàn trải và muốn đi đến thống nhất phải có công nghị. Một số ghi chép trong thế kỷ 18 cho thấy hàng năm xã vụ Minh Hương thường tổ chức một số lần công nghị để giải quyết các việc đối nội, đối ngoài của xã và trong các văn bản pháp lý thường có nhiều hương lão, hương trưởng cùng đứng tên.

Dưới tổ chức xã có nhiều đơn vị “trực thuộc” gọi là *lân*<sup>(23)</sup>. Đứng đầu các *lân* giúp cho các hương trưởng quản lý xã dân là các *giáp*. Về sau có thêm *chính trưởng*, *phụ trưởng*. Đến thời Minh Mạng, để quản lý phố hộ, buôn bán (phường buôn - hàng phố) có thêm các chức *Chánh Trưởng hàng*, *Phó Trưởng hàng* và *Thư ký* (thợ). Các chức này đều do *Hội đồng hương lão*, *hương trưởng* bổ nhiệm, tiếng *thư ký* thì do

*Chánh*, *Phó Trưởng hàng* cử ra.

Về cách tổ chức của Minh Hương xã, hiện nay chúng ta không có tài liệu một cách đầy đủ để phục dựng lại một cách chính xác tuyệt đối, song chúng ta có thể dựa vào những gì khai thác được để phác dựng lại cấu trúc mà thôi. Nói chung, các bậc hương chức là cai xã, hương quan (hoặc viên quan), hương lão và hương trưởng. Các chức cũng không nhất định, chẳng hạn như trong *Hội An Minh Hương quan thánh miếu bi ký* (Long Phi tuế thứ Quý Dậu niên lập), có chép danh sách các hương chức hồi đó như sau: Minh Hương xã hương quan các chức: *Cai xã*: Tăng Long Bác; *Hương lão*: Trần Duy Đức; Kha Quốc Thụy, Trần Duy Hình, Quách Tự Minh; *Hương trưởng*: Từ Thiên Hoàn, Thiệu Thiên Dương, Lý Hữu Đức, Khang Đình Du, Tôn Thiên Thụy (đ)Ôẽãõ), Trần Nguyên Thiện, Tạ Quang Bật, Trương Hoàn Đạo, Lý Đình Diệu (ĐừĐấ Ê), Ngô Thục Trinh, Ngô Quốc Trụ, Từ Diệu Tước, Trần Du An, Phùng Giáp Huấn, Trần Thế Lương, Trịnh Triệu Thuyên.

Bên cạnh đó, tấm bia trùng tu năm Long Phi Quý Mão thì chép rằng: Viên quan *hương lão*: Trần Chí Hạc, Ngô Quốc Trụ, Cai đội Tri Lễ Hầu, Cai đội Thuần Đức Hầu, Ngô Văn Phước, Lý Phùng Xuân; *Hương Trưởng*: Trịnh Dịch Xương, Ngô Tất Nhiên, Đái Thuận Châu, Lâm Tường Xuân, Lý Trình Mậu, Tôn Nguyên Tích.

Hai tấm bia này được dựng năm 1753 (tức năm Quý Dậu) và năm 1783 (tức năm Quý Mão). Trong danh sách kể trên, ta hãy xét về cai xã Tăng Long Bác. Lẽ dĩ nhiên *cai xã* là người đứng đầu của Minh Hương xã. Ta thấy trên tấm bia 1753 có

chức cai xã mà trên tấm bia 1783 thì không còn nữa dù biết chức cai xã từ lúc sáng lập đến năm 1753 vẫn còn, nhưng đến năm 1783 thì đã phế bỏ<sup>(24)</sup>.

*Hương lão* là trưởng lão của xã là người đại diện của làng, đồng thời là người chủ toạ của hương hội. Ta thấy Ngô Quốc Trụ làm hương trưởng hội năm 1753, nhưng sau 30 năm thì thành một trong các hương lão, điều này chứng thực rằng hương lão là do mấy vị tiền bối trong hương trưởng đảm nhận, địa vị đó tương tự với kỳ lão trong các làng khác. Qua triều đại nhà Nguyễn, *hương lão* cũng gọi là hương thân hoặc hương mục, thường có hai viên; chức vụ của mỗi viên là *thủ bộ* (coi giữ các giấy tờ công văn).

*Hương trưởng* là những nhân sỹ danh giá và có thế lực trong làng, cũng là đại diện của dân làng. Theo thường lệ, người nào làm hương trưởng phải thông thạo chữ Hán và có chút tài sản mới được đảm nhận. Căn cứ vào những điều như trên mà xét, Minh hương xã cũng như các làng khác, là một đoàn thể "tự trị", hết thảy các công việc trong làng đều theo sự nghị mà định đoạt.

Quy chế này đại khái được duy trì đến triều Nguyễn, nhưng với sự gia tăng về dân số và sự khuyếch trương về mặt hành chính, nên đến đời Minh Mạng ta thấy thêm mấy chức vụ mới trong hương chức. Chẳng hạn như, trong một tờ văn tấu của Minh Hương xã vào năm Cảnh Hưng thứ 40 (1779), ta thấy chúa Nguyễn đã cho phép Quan Công miếu, Thiên Hậu cung và Vạn Thọ Đình mỗi chùa đặt một viên *huân đạo* để coi việc hương đặng. Bên cạnh đó, trong tấm bia trùng tu năm Minh Mạng

thứ 8 (1827) chổ chép rằng: "vây, *hương quan, hương lão, hương trưởng, thủ vụ tam bảo, chính trưởng, phụ trưởng, thông ngôn các viên chức đều quyên tiền.*"<sup>(25)</sup>. Xét về tên *thủ vụ tam bảo* chúng ta không khỏi liên tưởng đến tên chức lý *tam bảo vu* mà Lý Thành ý chép trong cuốn *Tuy tiên đường tiền hiện, hương phủ đồ bản* vào năm Tự Đức thứ 33 (1880). Hai chức này cũng như *huân đạo* hoặc *hương cúng*, là một thứ hương chức chuyên quản hương hoá và tế lễ trong chùa.

*Chính trưởng*, là người đứng đầu một lân, còn *phụ trưởng* là người phụ tá cho *chính trưởng*. *Thông ngôn* thì cũng như *thông sự*, nhiều chứng cớ cho chúng ta thấy rằng, từ khi có Minh Hương xã thì người Minh Hương đảm nhận chức này. Theo như *Phủ Biên Tạp Lục* cũng cho biết rằng, trong thời kỳ các chúa Nguyễn, mỗi năm do các xã Minh Hương, Hội An, Cẩm Phô, Cù Lao Chàm và Lăng Cầu cung cấp những người thông thạo tiếng Hoa và tiếng ngoại quốc để giữ chức đó. Còn một hương chức khác nên đề cập đến là "giáp thủ". Chức vụ này là chuyên đạt chính lệnh của quan nha, hoặc coi việc liên lạc giữa các hương chức và dân xã, hơi giống như chức *tuy phái* bây giờ. Tên chức này đã xuất hiện trên hai tờ đơn khai của Minh Hương xã, Phú Chiêm phố và Trà Nghiêu châu vào năm Cảnh Hưng thứ 11 (năm 1750).

Bên cạnh đó, Minh Hương có nhiều đặc quyền mà chúa Nguyễn giao cho họ. Trong bản tấu do các hương chức Minh Hương xã Hội An tâu lên triều đình nhà Lê vào khoảng năm Cảnh Hưng thứ 39 (1778)<sup>(26)</sup> đã cho chúng ta biết rằng từ khi sáng lập Minh Hương xã, nhân dân xã đã

chịu đảm nhận những việc nghiêm xét cân lượng, định giá hàng hoá và thông ngôn cho các tàu Trung Quốc và ngoại quốc tới Hội An tiến hành mậu dịch. Đứng trên lập trường khách quan mà nói, bốn công việc này coi như “đặc quyền” của Minh Hương xã, cũng có thể nói là những “lao dịch đặc biệt” do chúa Nguyễn bắt Minh Hương xã phải chịu. Chính vì những sự phục vụ đặc biệt đó, nên chúa Nguyễn cho phép dân xã được miễn các việc phu dịch sưu sai, tuân dò, và quét chợ. Duy có mỗi năm 5 lần vào các dịp các ngày lễ nguyên đán, van thọ, đoan dương, tiêu thượng, và huý nhật, Minh Hương xã phải nộp một thứ công thuế đặc biệt gọi là “ngân lễ” (lễ bạc), quy chế đó có chép trong tâu văn. Hơn nữa, số mục ngân lễ từ xưa đã định nhất, không có liên quan gì đến sự tăng giảm của dân trong xã. Nhất là về dân bộ, Minh Hương xã được đặc quyền “sinh không kê, chết không trừ” cho tới khi nào có đại diện (tức cuộc kiểm tra dân số, cứ 6 năm tiến hành một lần) mới tu bổ thêm nộp. Trong thời gian chúa Nguyễn hoặc chúa Trịnh, hoặc Tây Sơn, tổng số ngân lễ trong một năm đều là 8 nén bạc (tức 80 quan) thêm bạc phụ khoảng 8 lượng, và năm nào cũng trong thời kỳ tháng 2 đến tháng 4 giao nộp. Chỉ có một vài điều khác là tên các hương lão, hương trưởng, và trong thời kỳ Tây Sơn gọi là “Minh Hương xã Hội An phố” mà thôi.

Về dân số Minh Hương xã, riêng số đình (những người phải nộp thuế thân, tức trong độ tuổi lao động) của Minh Hương xã từ năm 1744 đến 1788 cụ thể như sau: Năm 1744 là 759 đình, năm 1746 là 805 đình, 1747 là 866 đình, 1788 là 1063 đình<sup>(27)</sup>. Và, trong năm 1788 thì

tổng cộng số đình của xã là khoảng 1063 người như trên đã nói (không ghi số dân đình ở các phủ khác) với khoảng 83 hộ (nếu kể thêm những hộ mới ở các sổ đình khác thì con số sẽ vượt trên 100 hộ) nếu như cộng cả đà bà vào thì số dân khoảng hơn 2000 người<sup>(28)</sup>. Tuy đây chỉ là dân số đình, không kể trẻ em, người già, phụ nữ, thậm chí bớt số dân đình để trốn thuế, nhưng chúng ta có thể ước đoán cứ mỗi suất đình thêm một vợ và một con nhỏ thì dân số xã Minh Hương năm 1747 khoảng 2598, năm 1788 khoảng 2703. Cho đến nay, những người Minh Hương hầu như đã Việt hoá, việc xác định có bao nhiêu người Hoa Minh hương ở Hội An là một việc rất khó khăn.

Trong thành phần cơ cấu của dân Minh Hương xã, qua các gia phả mà khảo sát được chúng ta thấy rằng, khi đến Hội An, các Hoa kiều đều không mang theo vợ con. Họ đến và lấy một hoặc một số bà vợ địa phương để giúp việc buôn bán, trông coi gia sản, nuôi dạy con cái, v.v. Những bà vợ này đã giúp chồng một cách đặc lực trong việc mở mang kinh doanh tạo lập gia sản và nội trợ. Một số gia phả cho thấy vai trò của các bà vợ địa phương này rất quan trọng đối với các gia đình người Hoa, ngay cả khi người chồng đã qua đời. Về sau, từ thế kỷ 18 trở đi quan hệ hôn nhân gia đình giữa cư dân Minh Hương với các cư dân địa phương diễn ra khá phổ biến. Một số gia phả tộc họ ở các làng ở Hội An, Cẩm Phô, Thanh Hà, Sơn Phô đều ghi lại hiện tượng lấy vợ gả chồng là người Minh Hương. Ngược lại gia phả các tộc Minh Hương cũng cho thấy có những chú rể, cô dâu là người làng, xã xung quanh Hội An hoặc xa hơn như Thuận Hoá, Quảng Ngãi,



Quy Nhơn, Gia Định, Nam Định, Bắc Thành, v.v. Việc quan hệ này đã được vua Minh Mạng thừa nhận năm 1829 trong quy định bổ sung, sửa đổi luật Gia Long như sau: *Người Hoa lấy vợ Việt, sinh con ra là người Việt gốc Hoa nhưng vẫn là dân Minh Hương*<sup>(29)</sup>.

Về địa bàn cư trú, người Minh Hương đã chung sống trong nhiều thôn xóm với người Việt chứ không sống biệt lập. Từ đầu thế kỷ 18 họ đã có mặt tại nhiều thôn xã thuộc dinh Quảng Nam, rồi phổ biến Thanh Hà (Thuận Hoá) và ở các châu, xã, huyện, phủ của Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phú Yên, Bình Khang, Bình Thuận, Gia Định<sup>(30)</sup>. Địa bàn cư trú của họ tuy hẹp nhưng được lan toả khắp nơi, từ các khu vực miền núi đầu nguồn Thu Bồn, Vu Gia, cho đến các Cù Lao ven biển như Cù Lao Chàm, Cù Lao Rí (Lý Sơn, Quảng Ngãi). Chính sách cho phép hoà nhập của chúa Nguyễn là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc người Minh Hương nhanh chóng ổn định cuộc sống trong các thôn xóm người Việt và hoà nhập một cách tự nhiên, không cưỡng bách với cư dân bản địa. Tuy vậy, địa bàn tập trung đông đúc và chủ yếu nhất của cư dân Minh Hương xã vẫn là Hội An, ngoài ra còn có các trung tâm như Phú Chiêm, Kim Bồng, Trà Nghiêu, Bàn Thạch, Quá Gián, Tiên Đò, v.v.

Có thể nói, địa bàn cư trú của người Minh Hương phân tán thành từng nhóm ở nhiều địa phương khác nhau, chính điều này góp phần giúp họ có thể thu gom và phân phối hàng hoá từ các vùng đến Hội An và ngược lại một cách dễ dàng. Cũng chính vì sự phân bố như vậy mà chúng ta không thể hoạch định được bản đồ địa giới hành chính của Minh Hương xã.

### Cộng đồng người Hoa Ngũ Bang ở Hội An

Ngoài Minh Hương xã ở Hội An ra thì còn có tổ chức các Bang của các kiều cư người Hoa ở Hội An do họ cư trú không ổn định hoặc nhiều lý do khác về thể lực kinh tế, chính trị họ không nhập quốc tịch Việt Nam, nghĩa là không nhập vào Minh Hương xã mà họ tự tổ chức riêng trong *Dương Thương Hội quán* (hay sau này gọi là *Trung Hoa Hội quán*). Dương Thương Hội quán là một tổ chức tự quản của người Hoa kiều nhằm giúp đỡ lẫn nhau trên thương trường và quan hệ giao dịch với chính quyền cấp trên cũng như sở tại. Đây còn là trung tâm tín ngưỡng, thờ tự thần thành của nhóm cộng đồng này.

Trước đây *Trung Hoa hội quán* vừa là nơi sinh hoạt chung của cộng đồng người Hoa sinh sống tại Hội An mà đồng thời cũng là nơi "*tạm trú dùm chân*" của các thương khách - khách trú người Hoa đến đây buôn bán khi bị lỡ chuyến thuyền do gặp mưa bão không quay về nước được hoặc những thương khách mới đến chưa có nhà cửa để ở tại Hội An. Để đảm bảo tình hình an ninh trật tự cũng như quy định những vấn đề liên quan đến Hoa kiều đến Hội An buôn bán, tập thể người Hoa đã soạn thảo một bản điều lệ gồm 10 điều rồi đưa ra trưng cầu ý kiến của toàn thể thương khách và chính thức khắc bia dựng tại Dương Thương hội quán vào năm Vĩnh Hựu triều Lê (năm 1741), bản điều lệ đó gọi là "*Dương Thương hội quán công nghị điều lệ*". Bản điều lệ này có thể nói là "*bản hương ước*" duy nhất của cộng đồng người Hoa - Minh Hương được tìm thấy tại Hội An<sup>(31)</sup>.

Sau này do sự phát triển ngày càng

đông người từ các tỉnh ở Trung Quốc sang cư trú mà đã hình thành nên các Bang riêng gồm 5 Bang: Phúc Kiến, Triều Châu, Quảng Đông, Hải Nam, Gia ứng. Nhưng trên cơ sở duy trì tổ chức điều hành chung là *Dương Thương Hội quán* - *Trung Hoa Hội quán* hay gọi tắt là Ngũ Bang (5 Bang). Trong Ngũ bang này thì người Phúc Kiến vẫn chiếm số lượng đông hơn cả và Hội quán của họ cũng lập sớm hơn cả, được vào năm 1697, sau đó là Hội quán Triều Châu được lập năm 1845, Hội quán Quảng Đông hay Hội Quán Quảng Triệu lập năm 1885, tiếp sau là Hội quán Hải Nam hay Quỳnh Phủ Hội quán của người Hải Nam lập năm 1891. Riêng người Gia ứng, tuy cũng thành lập thành một bang riêng nhưng do quá ít người nên không xây dựng Hội quán, cùng sinh hoạt chung tại Hai Nam Hội quán. Trong Hội quán các Bang đều thờ cúng các vị thần bảo trợ của Bang mình, đồng thời đây cũng là nơi sinh hoạt của hội đồng hương tại Hội An.

Trong các Hội quán của mỗi Bang đều có Ban trị sự thường gọi là "*Lý sự hội*" do dân trong Bang đó bầu ra để điều hành công việc của Bang. Đứng đầu mỗi Ban trị sự là Bang trưởng (*còn gọi là Lý sự trưởng*), Bang trưởng do dân trong bang bầu ra, có nhiệm vụ trông coi việc đi lại, sinh hoạt của dân trong Bang. Dưới có phó Bang trưởng và các uỷ viên phụ trách các công việc khác nhau gọi là Hội đồng Bang trưởng (số lượng tùy thuộc vào mỗi Bang quy định), và các thành viên đảm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau như thư ký, thủ quỹ, đối ngoại... Dân các Bang phần lớn sống rải rác, xen kẽ trong các cộng đồng người Việt và người Hoa Minh

Hương. Họ phải nộp thuế kiều với số thuế gấp 2 - 3 lần dân đình người Minh Hương và người Việt.

Tại *Trung Hoa Hội quán* người ta cũng có Ban trị sự là *Trung Hoa hội quán Lý sự hội* do toàn thể Hoa kiều sinh sống tại Hội An bầu ra, những thành viên trong Ban trị sự này là đại diện của cả 5 Bang. Trong đó, họ bầu ra một Bang trưởng chung, sau này gọi là gọi là *Trung Hoa Lý sự trưởng* và các uỷ viên cũng cơ cấu ít nhất mỗi Bang phải có một người để trông coi điều hành chung cho cả 5 Bang, trụ sở được đặt tại *Trung Hoa Hội quán* (sau này còn gọi là Chùa Ngũ Bang), đây cũng là nơi sinh hoạt chung của cả 5 Bang. Ngoài ra, tại *Trung Hoa hội quán* còn có một tổ chức khác đó là "*Đổng sự hội*" để điều hành trường học, chăm lo công tác giáo dục - đào tạo cho con em Hoa kiều tại Hội An. Tại đây còn mở lớp dạy học cho con em trong bang, ngoài những môn học chung theo quy định của Nhà nước Việt Nam từng thời kỳ, họ còn dạy tiếng Hoa. Lớp học này gọi là Trường Lễ Nghĩa, chính vì thế ở đây còn có tục danh là Chùa Lễ Nghĩa. Đây cũng chính là Chùa Ngũ Bang như đã nói ở trên<sup>(32)</sup>.

### Kết luận

Có thể nói rằng, cộng đồng người Hoa ở Hội An tương đối điển hình cho các hình thức liên kết của cộng đồng người Hoa tại Việt Nam. Về thời gian hình thành các phố người Hoa, rồi đến Minh Hương xã, cho đến cộng đồng người Hoa Ngũ Bang đều được xếp vào loại sớm nhất trong các cộng đồng người Hoa ở Việt Nam, và những hình thức liên kết này vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Tuy ngày nay sự liên

kết những cộng đồng này có phần lỏng lẻo hơn trước nhưng về cấu trúc cơ bản vẫn giữ được từ khi thành lập.

Cộng đồng người Hoa Minh Hương ở Hội An nói chung cũng như cộng đồng người Hoa Minh Hương các nơi khác của Việt Nam luôn được chính quyền ưu ái trao cho những đặc quyền về mặt kinh tế, và tương đối “độc lập” về mặt chính trị, ngoài việc tuân thủ những quy định pháp luật của chính quyền bản địa, họ có những quy tắc, luật tục riêng và được chính quyền tôn trọng. Chính quyền bản địa chỉ quản lý họ ở tầm vĩ mô thông qua những người đại diện của cộng đồng, chứ không can thiệp sâu vào đời sống kinh tế xã hội của cộng đồng này.

Sau cùng, xu thế hội nhập và đời sống kinh tế xã hội của người bản địa đối với các cộng đồng người Hoa ở đây là một xu thế tự nhiên, tất yếu, điển hình là việc thông hôn giữa người Việt và người Hoa ở đây. Xu thế hội nhập giữa người Hoa với người Việt ngày càng mạnh mẽ, điều đó cũng tỷ lệ thuận với việc sự liên kết cộng đồng người Hoa ở đây ngày càng lỏng lẻo, điển hình là người Hoa Minh Hương xã ở Hội An hiện nay./.

## CHÚ THÍCH

1. Xem thêm trong, Trần Khánh, *Người Hoa trong xã hội Việt Nam thời Pháp thuộc và dưới chế độ Sài Gòn*, Nxb KHXH, HN, 2002; Châu Thị Hải, *Người Hoa ở Việt Nam và Đông Nam Á: Hình ảnh hôm qua và vị thế hôm nay*, Nxb KHXH, Hà Nội 2006.
2. Trần Kinh Hoà: *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam

- Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1960, tr. 12.
3. Cristophoro Borri: *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb TP. HCM, 1999, tr. 92.
4. Trần Kinh Hoà, *Phố người Đường và thương mại của họ ở Hội An thế kỷ XVII, XVIII*, Tân á học báo, Q. III, số 1, Hồng Kông, 1969.
5. Trần Kinh Hoà, *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1960, tr. 12, 13.
6. Trong đó các di thần nhà Minh như Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên Chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan (cq: 1635 - 1648) đã thể hiện lòng nhân đạo đối với người Hoa di tản và cũng cần lực lượng người nước ngoài lãnh nạn này để phục vụ công cuộc khai hoang vùng đất Đàng Trong. Về sau Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên cầm đầu người Hoa di tản đến khai hoang ở vùng Mỹ Tho và Biên Hoà, còn Mạc Cửu cầm đầu một nhóm người Hoa di tản khác khai hoang ở vùng Hà Tiên.
7. Nguyên văn câu này là “*Chinois fidèles aux Minh, qui passèrent en Annam lors de l’occupation de Thanh*”, theo Gustave Huê, *Dictionnaire - Chinois, Français*, q.570, dẫn theo Trần Kinh Hoà, *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1960, tr. 13.
8. A. Schreiner, *Les Institutions annamites en Basse Cochinchine avant conquête française*, t.II, p. 66. Dẫn theo, Trần Kinh Hoà, *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1960, tr. 13.
9. Trần Kinh Hoà: *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1960, tr. 13.
10. Trần Kinh Hoà: *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1960, tr. 18.
11. Phan Du, *Quảng Nam qua các thời đại, quyển Thượng*, Cổ học tùng thư, 1974 tr. 168.
- 12, 13. Theo *Tuy tiên đường bi* (dựng vào tháng 7 năm Duy Tân thứ 2, tức năm 1908).

- 14, 15. Xem thêm, Nguyễn Thiệu Lâu, *La Formation et L'évolution du Village de Minh-Huong - (Faifo)*, Tài liệu 41\_4BAVH(1), p. 360.
16. Tác giả Nguyễn Thiệu Lâu cũng theo cách suy nghĩ như vậy, xem trong, Nguyễn Thiệu Lâu, *La Formation et L'évolution du Village de Minh-Huong (Faifo)*, Tài liệu 41\_4BAVH(1).
17. Tham khảo của, Trần Kinh Hoà, *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1960, tr. 21.
18. Tên húy của Không Thái, lão gia là Thiên Như, hiện nay ở phường Cẩm Phô Hội An còn mộ của ông. Ngày trước đây là từ đường, và bài vị có ghi rằng: *Tước thứ Ất Hợi niên cầu nguyệt sơ cửu nhật ninh phôi. Khâm tử Cai phủ tâu Trung Lương hậu hiem quán tâu cựu chủ. Khách thương Viên nhân đảng húy Không Thiên Như chỉ Thiên.* Ngoài ra, còn có một đạo chiếu dụ của Minh vương ban cho Không Thiên Như qua đời. Bấy giờ bài vị đã mất, chỉ có bia mộ ghi chép đạo chiếu của Minh Vương như sau: *Khâm tử cai phủ tâu Trung Lương hậu Cựu sở thu quốc các tâu hiem quán cựu tôn khách thương đảng viên nhân sắc tử gia phong Văn Huệ Hậu Không Thiên Như*, dẫn theo, Trần Kinh Hoà, *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1960, tr. 22.
19. Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb KHXH, HN, 1977, tr. 231.
20. Trần Kinh Hoà, *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1960, tr. 27.
21. Dẫn theo, Trần Kinh Hoà, *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1960, tr. 27.
22. Xem thêm, Tống Quốc Hưng, *Cộng đồng người Hoa Minh Hương ở thương cảng Hội An*, Nghiên cứu, Đông Nam Á, số 3, 2009, tr. 67 - 74.
- 2). Một số lân của Minh Hương xã qua các thời kỳ như: Hương Hưng lân tại xã Việt An; Hương Khánh lân tại xã Khánh Thọ, Tam Kỳ; Hương Thịnh lân tại xã Hương An, Quế Sơn; Hương Kỳ lân tại Tam Kỳ; Hương Long lân tại Trà Nghiêu; Hương Thuận lân tại Bàn Thạch; Hương Hoà lân tại Hà Nhuận; Hương Thắng lân tại phố Hội An; Hương Định lân tại phố Hội An; Hương An lân tại phố Hội An (đất Cổ Trai cũ); Hương Mỹ Lân (chưa xác định được); Hương Xuân lân tại Quảng Ngãi. Dẫn theo, Trần Văn An - Nguyễn Chí Trung - Trần ánh, *Xã Minh hương với thương cảng Hội An thế kỷ 16-19*, Trung tâm Bảo tồn Di sản - Di tích Quảng Nam, 2005, tr. 36.
24. Trần Kinh Hoà, *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1962, tr. 12.
25. Trần Kinh Hoà, *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1962, tr. 13.
26. Về nội dung bản tâu này chúng ta có thể tham khảo trong, Trần Kinh Hoà, *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1962, tr. 14 - 16.
27. Theo những tư liệu của Minh Hương đang được lưu giữ tại Trung tâm quản lý và bảo tồn di tích Hội An.
28. Theo, Trần Kinh Hoà, *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1962, tr. 18.
29. Xem trong, Trần Văn An - Nguyễn Chí Trung - Trần ánh, *Xã Minh hương với thương cảng Hội An thế kỷ 16-19*, Trung tâm Bảo tồn Di sản - Di tích Quảng Nam, 2005, tr 27.
30. Theo những tư liệu được lưu trữ của Minh Hương xã, như tư liệu KH: A11-MH, A15-MH, hiện lưu giữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn di tích Hội An.
31. Có thể xem bản dịch của *Dương Thương Hội quán công nghị điều lệ* trong Trần Kinh Hoà, *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1962, tr. 38- 40.
32. Tham khảo trong, Nguyễn Chí Trung, *Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử*, Trung tâm Bảo tồn Di sản - Di tích Quảng Nam, 2005, tr. 176 - 177.